

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Vào lúc bảy giờ, khi đức Thế Tôn Vô dư Niết-bàn được một trăm năm, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc là “Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép.”¹

2. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka trong khi du hành ở xứ Vajji đã đến trú tại Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã trú tại Mahāvana, nơi giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bảy giờ, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī, vào ngày *Uposatha*, sau khi đổ đầy nước vào cái chậu đồng rồi đặt ở giữa hội chúng Tỳ-khuru và nói với các cư sĩ ở Vesālī đang đi qua lại như vậy: “Này các đạo hữu, hãy bỏ thí đến hội chúng một *kaḥāpaṇa*, một nửa [*kaḥāpaṇa*], một *pāda*, một *māsaka*. Hội chúng sẽ có việc phải làm về vật dụng.” Khi được nói như vậy, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này: “Này các đạo hữu, chớ có bỏ thí đến hội chúng một *kaḥāpaṇa*, một nửa [*kaḥāpaṇa*], một *pāda*, một *māsaka*. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc.”

Trong khi được Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka nói như vậy, các cư sĩ ở Vesālī vẫn bỏ thí đến hội chúng một *kaḥāpaṇa*, một nửa [*kaḥāpaṇa*], một *pāda*, một *māsaka*. Sau đó, vào cuối đêm ấy, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã xác định phân chia tùy theo số lượng Tỳ-khuru rồi đã phân chia số tiền vàng ấy.

¹ Mười sự việc này có ý nghĩa như sau: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành lễ *Uposatha* riêng rẽ, được phép hành sự không đủ Tỳ-khuru, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng vật lót ngồi không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc (ND).

3. Khi ấy, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka điều này:

– Nay Đại đức Yasa, phần chia tiền vàng này thuộc về Đại đức.

– Nay các Đại đức, phần chia tiền vàng này không thuộc về tôi, tôi không thích thú tiền vàng.

Sau đó, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī [bàn bạc rằng]: “Này các Đại đức, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka này quở trách, chê bai, làm giảm đức tin các cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy.” Họ đã thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī điều này:

– Nay các Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định rằng: “Vị sứ giả cùng đi nên được ban đến vị Tỳ-khuru thực hiện hành sự hòa giải.” Nay các Đại đức, hãy cho tôi vị Tỳ-khuru làm sứ giả cùng đi.

Khi ấy, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã chỉ định một vị Tỳ-khuru và cho làm sứ giả cùng đi với Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka.

4. Sau đó, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka cùng với vị Tỳ-khuru là sứ giả cùng đi đã vào thành Vesālī và đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này:

– Nghe nói tôi quở trách, chê bai, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là “phi Pháp”, Pháp là “Pháp”, phi Luật là “phi Luật”, Luật là “Luật.”

Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Này các đạo hữu, ở nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khuru rằng:

“Này các Tỳ-khuru, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi. Bốn vật ấy là gì? Này các Tỳ-khuru, mây là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi. Này các Tỳ-khuru, sương mù là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. ...(nt)... Này các Tỳ-khuru, khói bụi là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. ...(nt)... Này các Tỳ-khuru, Rāhu chúa loài *asura* [hiện tượng nguyệt và nhật thực] là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Này các Tỳ-khuru, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói

lợi. Bốn điều ấy là gì? Nay các Tỳ-khuru, có những Sa-môn và Bà-la-môn uống rượu, uống men say, không chừa bỏ việc uống rượu và men say. Nay các Tỳ-khuru, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhất đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Nay các Tỳ-khuru, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thực hiện việc đôi lứa, không chừa bỏ việc đôi lứa. Nay các Tỳ-khuru, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhì đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt).

Nay các Tỳ-khuru, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thích thú vàng bạc, không chừa bỏ việc thọ nhận vàng bạc. Nay các Tỳ-khuru, đây là điều làm ô nhiễm thứ ba đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt).

Nay các Tỳ-khuru, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn chấp nhận cuộc sống bằng sự nuôi mạng không chân chánh, không chừa bỏ sự nuôi mạng không chân chánh. Nay các Tỳ-khuru, đây là điều làm ô nhiễm thứ tư đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt).

Nay các Tỳ-khuru, đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.” Nay các đạo hữu, đức Thế Tôn đã nói điều ấy, đấng Thiện Thệ đã nói điều ấy, rồi bậc Đạo sư còn nói thêm điều này nữa:

“Có những Sa-môn và Bà-la-môn bị ô nhiễm bởi ái dục và sân, là những người bị che áng bởi vô minh, có sự thỏa thích ở các hình dáng đáng yêu.

Họ uống rượu, men say, theo đuổi việc đôi lứa, thích thú bạc và vàng, họ là những kẻ ngu si tăm tối.

Có những Sa-môn và Bà-la-môn sống bằng tà mạng. Những sự ô nhiễm này đã được nói lên bởi đức Phật, là vị Thân Quyền Của Mặt Trời.

Những Sa-môn và Bà-la-môn đã bị ô nhiễm bởi những ô nhiễm ấy thì không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi, không trong sạch, có nhiễm bụi, như là loài thú.

Bị bao phủ bởi bóng đêm, họ là những nô lệ của tham ái, là những kẻ bị [tham ái] dẫn đi, họ làm tăng trưởng nghĩa địa kinh hoàng, họ bám lấy sự tái sanh lần nữa.”

Có lời nói như vậy: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là “phi Pháp”, Pháp là “Pháp”, phi Luật là “phi Luật”, Luật là “Luật.”

5. Nay các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Nay các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: “Vàng bạc được cho phép đối với các Sa-môn

Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc.” Nay các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, vị thôn trưởng Mañicūlaka đang ngồi trong nhóm người ấy.

Này các đạo hữu, khi ấy, vị thôn trưởng Mañicūlaka đã nói với nhóm người ấy điều này: “Quý vị chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đổi với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc.” Nay các đạo hữu, vị thôn trưởng Mañicūlaka đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy.

6. Nay các đạo hữu, sau đó, khi đã thuyết phục được nhóm người ấy, vị thôn trưởng Mañicūlaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Nay các đạo hữu, khi đã ngồi xuống một bên, vị thôn trưởng Mañicūlaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, ở đây, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: ‘Vàng bạc được cho phép đổi với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc.’ Bạch Ngài, được nói như vậy, con đã nói với nhóm người ấy điều này: ‘Quý vị chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đổi với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc.’ Bạch Ngài, con đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. Bạch Ngài, trong khi nói như thế, có phải con là người đã nói đúng lời của đức Thế Tôn và con không vu khống đức Thế Tôn một cách sai trái? Có phải con đã nói theo lý lẽ của giáo pháp? Và có phải người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo giáo pháp, không rơi vào vị thế bị chê trách?”

“Này thôn trưởng, đúng vậy. Trong khi nói như thế, ngươi là người đã nói đúng lời của Ta và ngươi không vu khống Ta một cách sai trái. Ngươi đã nói theo lý lẽ của giáo pháp và người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo giáo pháp, không rơi vào vị thế đáng bị chê trách. Này thôn trưởng, bởi vì vàng bạc không được cho phép đổi với các Sa-môn Thích tử, các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc, các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc, các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc. Này thôn trưởng, đối với kẻ nào vàng bạc là được phép thì đối với kẻ ấy năm phần dục lạc cũng là được phép. Này thôn trưởng, đối với kẻ nào năm phần dục lạc là được phép thì ngươi có thể nắm chắc về điều này là ‘không phải là pháp của Sa-môn, không phải là pháp của Thích tử.’ Này thôn trưởng và Ta còn nói như vậy: Người mong muốn cỏ thì tầm cầu cỏ, người mong muốn củi thì tầm cầu củi, người mong muốn xe cộ thì tầm cầu xe cộ, người mong muốn đàn ông thì tầm cầu đàn ông. Này thôn trưởng, nhưng Ta không có nói rằng: ‘Bằng bất cứ phương tiện gì, vàng bạc nên được thích thú, nên được tầm cầu.’”

Có lời nói như vậy: Nghe nói tôi quả trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là “phi Pháp”, Pháp là “Pháp”; phi Luật là “phi Luật”, Luật là “Luật.”

7. Nay các đạo hữu, vào một thuở nọ, ở ngay chính nơi ấy, tại thành Rājagaha, đức Thế Tôn đã từ chối vàng bạc và quy định điều học có liên quan đến Đại đức Upananda dòng dõi Sakya. Có lời nói như vậy: “Nghe nói tôi quả trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là “phi Pháp”, Pháp là “Pháp”; phi Luật là “phi Luật”, Luật là “Luật.”

Khi được nói như thế, các cư sĩ ở Vesālī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka điều này:

– Thưa ngài, chỉ có một mình ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka là Sa-môn Thích tử, chính tất cả các vị kia đều không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka hãy ngụ tại Vesālī. Chúng tôi sẽ nỗ lực về vật dụng là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh đối với ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka.

Sau đó, khi đã khiến cho các cư sĩ ở Vesālī nhận thức được, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka với vị Tỳ-khuru sứ giả cùng đi đã trở về tu viện.

8. Sau đó, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã hỏi vị Tỳ-khuru sứ giả cùng đi rằng:

– Nay Sư đệ, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã yêu cầu các cư sĩ ở Vesālī thứ lỗi chưa vậy?

– Chúng ta gặp điều xúi quẩy với các cư sĩ rồi. Chỉ một mình Yasa, con trai của Kākaṇḍaka được xem là Sa-môn Thích tử. Còn chính tất cả chúng ta đã bị xem không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử.

Khi ấy, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī [đã bàn bạc rằng]: “Nay các Đại đức, Yasa, con trai của Kākaṇḍaka này chưa được chúng ta chỉ định đã giảng giải cho hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy.” Họ đã tụ họp lại với ý định thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã bay lên không trung và xuất hiện ở Kosambī. Sau đó, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khuru ở Pāvā, Avanti và khu vực phía Nam [nói rằng]: “Xin các Đại đức hãy đến, chúng ta cần nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.” Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đang ngụ tại núi Ahogaṅga. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến núi Ahogaṅga gặp Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī rồi

ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã nói với Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này:

– Thừa ngài, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: “Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép.” Thừa ngài, vậy chúng ta sẽ nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

– Nay Đại đức, đúng vậy.

Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã trả lời Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka.

9. Sau đó, các Tỳ-khuru ở Pāvā có số lượng sáu mươi vị, tất cả là những vị sống trong rừng, tất cả là những vị hành hạnh khát thực, tất cả là những vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, tất cả là những vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vị đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogaṇḍa. Các Tỳ-khuru ở Avanti và khu vực phía Nam có số lượng tám mươi tám vị, một số vị sống trong rừng, một số vị hành hạnh khát thực, một số vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, một số vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vị đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogaṇḍa.

Khi ấy, trong lúc các Tỳ-khuru trưởng lão hội ý, điều này đã khởi lên: “Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Làm thế nào chúng ta có thể đạt được nhóm, nhờ thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn?” Vào lúc bảy giờ, Đại đức Revata ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Khi ấy, các Tỳ-khuru trưởng lão đã khởi ý rằng: “Chính vị Đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta sẽ đạt được Đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này, chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn.”

Trong khi các Tỳ-khuru trưởng lão đang hội ý, Đại đức Revata nhờ vào thiên nhĩ thông thanh tịnh vượt trội loài người đã nghe được, sau khi nghe được đã khởi ý điều này: “Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Điều không thích đáng cho ta là việc ta lại tránh né các sự tranh tụng như thế này. Và rồi đây, các vị Tỳ-khuru ấy sẽ đi đến, bị lấn cản bởi các vị ấy, ta đây sẽ đi không thoải mái. Hay là ta nên đi trước?” Khi ấy, Đại đức Revata từ Soreyya đã đi đến Saṅkassa.

10. Sau đó, các vị Tỳ-khuru trưởng lão đã đi đến Soreyya hỏi rằng: “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: “Vị Đại đức Revata ấy đã đi Saṅkassa rồi.” Rồi Đại đức Revata từ Saṅkassa đã đi Kaṇṇakujja. Sau đó, các Tỳ-khuru trưởng lão đã đi đến Saṅkassa hỏi rằng: “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: “Vị Đại đức Revata ấy đã đi Kaṇṇakujja rồi.” Rồi Đại đức Revata từ Kaṇṇakujja đã đi Udumbara. Sau đó, các Tỳ-khuru trưởng lão đã đi đến Kaṇṇakujja hỏi rằng: “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: “Vị Đại đức Revata ấy đã đi Udumbara rồi.” Rồi Đại đức Revata từ Udumbara đã đi thành phố Aggaḷa. Sau đó, các Tỳ-khuru trưởng lão đã đi đến Udumbara hỏi rằng: “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: “Vị Đại đức Revata ấy đã đi thành phố Aggaḷa rồi.” Rồi Đại đức Revata từ thành phố Aggaḷa đã đi Sahajāti. Sau đó, các Tỳ-khuru trưởng lão đã đi đến thành phố Aggaḷa hỏi rằng: “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: “Vị Đại đức Revata ấy đã đi Sahajāti rồi.” Rồi các Tỳ-khuru trưởng lão đã gặp được Đại đức Revata ở Sahajāti.

11. Khi ấy, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka điều này:

– Này Sư đệ, Đại đức Revata này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta hỏi Đại đức Revata câu hỏi, Đại đức Revata có khả năng trình bày trọn vẹn chỉ với một câu hỏi ấy. Và giờ đây, Đại đức Revata sẽ gọi vị Tỳ-khuru đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Khi chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị Tỳ-khuru ấy, chính Sư đệ nên đi đến gặp Đại đức Revata và hỏi về mười sự việc ấy.

– Thừa ngài, xin vâng.

Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã trả lời Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī. Khi ấy, Đại đức Revata đã gọi vị Tỳ-khuru đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Vào lúc chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị Tỳ-khuru ấy, khi ấy Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Revata rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka đã nói với Đại đức Revata điều này:

12. (i) – Thừa ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?

– Này Sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng ấy là gì?

– Thừa ngài, là mang theo muối bằng ống sừng [nghĩ rằng]: “Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp [thức ăn] thiếu muối”, có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

(ii) – Thừa ngài, quy định hai ngón tay là được phép?

– Này Sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là gì?

– Thưa ngài, là thọ dụng vật thực sáu giờ khi bóng nắng mặt trời [chiếu ở trên đất] đã quá hai ngón tay, có được phép không?

– Nay Sư đệ, không được phép.

(iii) – Thưa ngài, quy định trong làng là được phép?

– Nay Sư đệ, quy định trong làng ấy là gì?

– Thưa ngài, là vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực [nghĩ rằng]: “Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng” rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không?

– Nay Sư đệ, không được phép.

(iv) – Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?

– Nay Sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là gì?

– Thưa ngài, là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ *Uposatha* riêng biệt, có được phép không?

– Nay Sư đệ, không được phép.

(v) – Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?

– Nay Sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là gì?

– Thưa ngài, là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng [nghĩ rằng]: “Chúng ta sẽ thuyết phục các Tỷ-khưu đi đến”, có được phép không?

– Nay Sư đệ, không được phép.

(vi) – Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép?

– Nay Sư đệ, quy định theo tập quán ấy là gì?

– Thưa ngài là [vị nghĩ rằng]: “Điều này đã được thực hành bởi thầy tể độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta” rồi thực hành theo, có được phép không?

– Nay Sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.

(vii) – Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?

– Nay Sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là gì?

– Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không?

– Nay Sư đệ, không được phép.

(viii) – Thưa ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?

– Nay Sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì?

– Thưa ngài, là loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không?

– Nay Sư đệ, không được phép.

(ix) – Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép?

– Này Sư đệ, không được phép.

(x) – Thưa ngài, vàng bạc là được phép?

– Này Sư đệ, không được phép.

– Thưa ngài, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ấy ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc này. Thưa ngài, chúng ta hãy nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.

– Này Sư đệ, đúng vậy.

Đại đức Revata đã trả lời Đại đức Yasa, con trai của Kākaṇḍaka.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

TỤNG PHẨM THỨ NHÌ

13. Các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nghe rằng: “Nghe nói Yasa, con trai của Kākaṇḍaka có ý định nắm lấy sự tranh tụng này nên tầm cầu phe nhóm và nghe nói đã đạt được phe nhóm.” Khi ấy, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: “Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Người nào mà chúng ta có thể đạt được chung nhóm, nhờ thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn?” Rồi các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: “Chính vị Đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta có thể đạt được Đại đức Revata chung nhóm, như thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn.”

Khi ấy, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lọc nước, và đồ lọc nước thông thường. Sau đó, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã mang theo vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy, đáp thuyền ngược dòng đi Sahajāti. Sau khi rời thuyền, họ thực hiện việc chia phần thức ăn ở gốc cây nọ.

14. Khi ấy, Đại đức Sālha trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng đã có tư tưởng suy tầm khởi lên như vậy: “Những ai là người nói đúng Pháp, các Tỳ-khuru ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khuru ở Pāvā?” Sau đó, Đại đức Sālha trong khi quán xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: “Các Tỳ-khuru ở về

hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khuru ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp.” Khi ấy, có vị trời nọ ở cõi Tịnh Cư, dùng tâm biết được tư tưởng suy tầm của Đại đức Sālha, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh, có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự y như thế, vị ấy đã biến mất giữa chư thiên ở cõi Tịnh Cư và hiện ra trước mặt Đại đức Sālha. Khi ấy, vị trời ấy đã nói với Đại đức Sālha điều này:

– Thưa ngài Sālha, đúng vậy. Các Tỳ-khuru ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khuru ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp. Thưa ngài Sālha, chính vì điều ấy, ngài hãy duy trì theo đúng Pháp.

– Nay vị trời, ngay cả trước đây và bây giờ, ta luôn duy trì theo đúng Pháp; nhưng ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định ta trong sự tranh tụng này.

15. Sau đó, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī, sau khi cầm lấy số vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã nói với Đại đức Revata điều này:

– Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lọc nước và đồ lọc nước thông thường.

– Nay các Đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không muốn thọ nhận.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru được hai mươi năm tên Uttara, là thị giả của Đại đức Revata. Khi ấy, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã đi đến gặp Đại đức Uttara, sau khi đến đã nói với Đại đức Uttara điều này:

– Xin Đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lọc nước và đồ lọc nước thông thường.

– Nay các Đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không muốn thọ nhận.

– Nay Đại đức Uttara, dân chúng thường dâng vật dụng cần thiết cho Sa-môn đến đức Thế Tôn. Nếu đức Thế Tôn thọ nhận, chính vì điều ấy, họ trở nên hoan hỷ. Nếu đức Thế Tôn không thọ nhận, họ dâng đến Đại đức Ānanda: “Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lọc nước và bình đựng nước. Như thế sẽ xem như vật ấy đã được đức Thế Tôn thọ lãnh.” Xin Đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn; như thế sẽ xem như vật ấy đã được ngài Trưởng lão thọ lãnh.

16. Khi ấy, Đại đức Uttara bị ép buộc bởi các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nhận lấy một y [nói rằng]:

– Nay các Đại đức, hãy nói lý do về việc này.

– Xin Đại đức Uttara hãy nói với ngài Trưởng lão chỉ có một điều này: “Thưa ngài, xin ngài Trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này:

Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng Đông. Các Tỳ-khuru ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các Tỳ-khuru ở Pāvā là các vị nói phi Pháp.”

– Này các Đại đức, được rồi.

Rồi Đại đức Uttara nghe theo các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī, đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã nói với Đại đức Revata điều này:

– Thưa ngài, xin ngài Trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: “Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng Đông. Các Tỳ-khuru ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các Tỳ-khuru ở Pāvā là các vị nói phi Pháp.”

– Này Tỳ-khuru, người đã xúi giục ta trong việc phi Pháp.

Vị Trưởng lão đã đuổi Đại đức Uttara đi. Khi ấy, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với Đại đức Uttara điều này:

– Này Đại đức Uttara, ngài Trưởng lão đã nói gì?

– Này các Đại đức, chúng ta đã làm điều tầm bậy. Ngài Trưởng lão đã đuổi tôi đi [nói rằng]: “Này Tỳ-khuru, người đã xúi giục ta trong việc phi Pháp.”

– Này Đại đức Uttara, không phải Đại đức đã thâm niên hai mươi năm rồi hay sao?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Tuy nhiên, chúng tôi còn giữ sự nương nhờ với vị thầy.

17. Sau đó, hội chúng có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy, đã tụ hội lại. Khi ấy, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu chúng ta giải quyết sự tranh tụng này ở nơi đây, các Tỳ-khuru là những vị khởi sự có thể nêu lại vấn đề một lần nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này ở ngay tại nơi mà sự tranh tụng này đã sanh khởi.

Sau đó, các Tỳ-khuru trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến Vesālī.

18. Vào lúc bấy giờ, vị Trưởng lão của hội chúng trên trái đất có tên Sabbakāmī đã tu lên bậc trên được một trăm hai mươi năm, là đệ tử của Đại đức Ānanda, đang trú ở Vesālī. Khi ấy, Đại đức Revata đã nói với Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này:

– Này Sư đệ, tôi sẽ đi đến trú xá nơi Trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ; Sư đệ đây nên đi đến gặp Đại đức Sabbakāmī vào đúng lúc để hỏi về mười sự việc ấy.

– Thưa ngài, xin vâng.

Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đáp lại Đại đức Revata. Sau đó, Đại đức Revata đã đi đến trú xá nơi Trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ.

Chỗ nằm, ngòi của Đại đức Sabbakāmi là được xếp đặt ở phòng trong, còn của Đại đức Revata ở mặt tiền của phòng trong. Khi ấy, Đại đức Revata [nghĩ rằng]: “Vị Trưởng lão cao niên này không nằm” nên không nằm xuống. Đại đức Sabbakāmi [nghĩ rằng]: “Vị Tỳ-khuru vắng lai này đang mệt vẫn không nằm” rồi đã không nằm xuống.

Sau đó, trong đêm vào lúc hừng sáng, Đại đức Sabbakāmi sau khi đứng dậy đã nói với Đại đức Revata điều này:

- Nay Sư đệ mến, hiện nay người thường xuyên an trú với sự an trú nào?
 - Thưa ngài, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an trú tâm từ.
 - Nay Sư đệ mến, nghe nói hiện nay người thường xuyên an trú với sự an trú còn nông cạn. Nay Sư đệ mến, sự an trú còn nông cạn ấy tức là tâm từ.
 - Thưa ngài, trước đây khi tôi còn là người tại gia, tâm từ đã được thực hành. Vì thế, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an trú tâm từ, hơn nữa tôi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán lâu nay. Thưa ngài, hiện nay ngài Trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú nào?
 - Nay Sư đệ mến, hiện nay ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không.
 - Thưa ngài, nghe nói hiện nay ngài Trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú của bậc Đại nhân. Thưa ngài, sự an trú của bậc Đại nhân ấy tức là trạng thái không.
 - Nay Sư đệ mến, trước đây, khi ta còn là người tại gia, trạng thái không đã được thực hành. Vì thế, ngay cả bây giờ, ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không, hơn nữa ta đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán lâu nay.
- Lúc bấy giờ, cuộc nói chuyện trao đổi này của hai vị Tỳ-khuru trưởng lão là chưa chấm dứt.

19. Rồi Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã ngự đến nơi ấy. Khi ấy, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đi đến gặp Đại đức Sabbakāmi, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Sabbakāmi rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với Đại đức Sabbakāmi điều này:

- Thưa ngài, các Tỳ-khuru dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: “Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong lòng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngòi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép.” Thưa ngài, ngài Trưởng lão đã học tập được nhiều Pháp và Luật ở chân của thầy tế độ; thưa ngài, khi ngài Trưởng lão quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, các Tỳ-khuru ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khuru ở Pāvā?

– Này Sư đệ, người cũng đã học tập được nhiều Pháp và Luật ở nguồn gốc của thầy tế độ; này Sư đệ, khi người quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, là các Tỳ-khuru ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khuru ở Pāvā?

– Thưa ngài, khi tôi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý như vậy: “Các Tỳ-khuru ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khuru ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp”; tuy nhiên, tôi không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định tôi trong sự tranh tụng này.

– Này đệ, ngay cả ta khi quán xét về Pháp và Luật cũng khởi ý như vậy: “Các Tỳ-khuru ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khuru ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp”; tuy nhiên, ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định ta trong sự tranh tụng này.

20. Sau đó, hội chúng có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được phân xử, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên, và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Khi ấy, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng đã chọn bốn vị Tỳ-khuru ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khuru ở Pāvā: Đại đức Sabbakāmī, Đại đức Sālha, Đại đức Ujjasobhita, Đại đức Vāsabhagāmika là [đại biểu] của các Tỳ-khuru ở hướng Đông; Đại đức Revata, Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī, Đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka và Đại đức Sumana là [đại biểu] của các Tỳ-khuru ở Pāvā.

Sau đó, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định bốn vị Tỳ-khuru ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khuru ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định bốn vị Tỳ-khuru ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khuru ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đại đức nào thỏa thuận sự chỉ định bốn vị Tỳ-khuru ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khuru ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Bốn vị Tỳ-khuru ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khuru ở Pāvā đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng thỏa thuận nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu tên Ajita, được mười năm, là vị đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*). Khi ấy, hội chúng cũng đã chỉ định Đại đức Ajita là vị sắp xếp chỗ ngồi cho các Tỳ-khưu trưởng lão. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: “Chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở đâu?” Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: “Tu viện Vālika này xinh xắn, ít tiếng động, ít ồn ào; hay là chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở tu viện Vālika?” Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến tu viện Vālika. Sau đó, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Đại đức Sabbakāmi về Luật.

Đại đức Sabbakāmi đã thông báo đến hội chúng rằng:

– Nay các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được vị Revata hỏi về Luật, tôi sẽ trả lời.

Sau đó, Đại đức Revata đã hỏi Đại đức Sabbakāmi điều này:

(i) – Thưa ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?

– Nay Sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng ấy là gì?

– Thưa ngài, là mang theo muối bằng ống sừng [nghĩ rằng]: “Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp [thức ăn] thiếu muối”, có được phép không?

– Nay Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga* (*Phân tích Giới bốn*).

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về vật thực đã được tích trữ.²

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhất này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thể thứ nhất này.

(ii) – Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép?

– Nay Sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là gì?

– Thưa ngài, là ăn vật thực sai giờ khi bóng nắng mặt trời [chiếu ở trên đất] đã quá hai ngón tay, có được phép không?

– Nay Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở thành Rājagaha, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

² Điều học *Pācittiya* 38.

– Phạm tội *Pācittiya* về vật thực sai giờ.³

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhì này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thể thứ nhì này.

(iii) – Thừa ngài, quy định trong làng là được phép?

– Này Sư đệ, quy định trong làng ấy là gì?

– Thừa ngài, là vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực [nghĩ rằng]: “Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng” rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về vật thực không phải là còn thừa.⁴

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ ba này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thể thứ ba này.

(iv) – Thừa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?

– Này Sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là gì?

– Thừa ngài là nhiều xứ có chung ranh giới thực hiện lễ *Uposatha* riêng biệt, có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Rājagaha, trong phần liên quan đến lễ *Uposatha*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Dukkaṭa* về việc vượt quá Luật.

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tư này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thể thứ tư này.

(v) – Thừa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?

– Này Sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là gì?

– Thừa ngài, là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng [nghĩ rằng]: “Chúng ta sẽ thuyết phục các Tỳ-khưu đi đến”, có được phép không?

– Này Sư đệ, không được phép.

³ Điều học *Pācittiya* 37.

⁴ Điều học *Pācittiya* 35.

- [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?
- Ở trong câu chuyện về Luật của các vị ở Campā.
- [Làm việc ấy] phạm tội gì?
- Phạm tội *Dukkata* về việc vượt quá Luật.
- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ năm này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ năm này.

(vi) – Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép?

- Đây Sư đệ, quy định theo tập quán ấy là gì?
- Thưa ngài, là [vị nghĩ rằng]: “Điều này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta” rồi thực hành theo, có được phép không?
- Đây Sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ sáu này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ sáu này.

(vii) – Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?

- Đây Sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là gì?
- Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không?
- Đây Sư đệ, không được phép.

– [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?

– Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga*.

– [Làm việc ấy] phạm tội gì?

– Phạm tội *Pācittiya* về vật thực không phải là còn thừa.⁵

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ bảy này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ bảy này.

(viii) – Thưa ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?

- Đây Sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì?
- Thưa ngài, là uống loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không?
- Đây Sư đệ, không được phép.

⁵ Điều học *Pācittiya* 35.

- [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?
- Ở Kosambī, trong *Suttavibhaṅga*.
- [Làm việc ấy] phạm tội gì?
- Phạm tội *Pācittiya* về việc uống rượu và chất say.⁶

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tám này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ tám này.

(ix) – Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép?

- Đây Sư đệ, không được phép.
- [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?
- Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga*.
- [Làm việc ấy] phạm tội gì?
- Phạm tội *Pācittiya* về vật cần được cắt bỏ.⁷

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ chín này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ chín này.

(x) – Thưa ngài, vàng bạc là được phép?

- Đây Sư đệ, không được phép.
- [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu?
- Ở Rājagaha, trong *Suttavibhaṅga*.
- [Làm việc ấy] phạm tội gì?
- Phạm tội *Pācittiya* về việc thọ nhận vàng bạc.⁸

– Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ mười này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đề riêng thẻ thứ mười này.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, mười vấn đề này đã được hội chúng xác định. Như thế, mười sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo sư.

– Đây Sư đệ, sự tranh tụng này đã được kết thúc, đã được yên lặng, đã được giải quyết, đã được giải quyết tốt đẹp. Đây Sư đệ, tuy nhiên Sư đệ nên hỏi ta về mười sự việc này ở ngay giữa hội chúng để các Tỷ-khưu ấy cùng nhau hiểu rõ.

⁶ Điều học *Pācittiya* 51.

⁷ Điều học *Pācittiya* 89.

⁸ Điều học *Nissaggiya Pācittiya* 18.

22. Sau đó, Đại đức Revata đã hỏi Đại đức Sabbakāmi về mười sự việc ấy ở ngay giữa hội chúng. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Sabbakāmi đã trả lời. Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện bảy trăm vị Tỳ-khưu không thiếu, không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là “Liên quan bảy trăm vị.”

Chương “Liên quan bảy trăm vị.”

Trong chương này có hai mươi lăm sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Mười sự việc, sau khi đổ đầy, hành sự, cùng với sứ giả, vị đã đi vào, bốn [vật làm ô nhiễm], còn nữa, và vàng, Kosambī và vị ở Pāvā.

2. Đường đi, Soreyya, Saṅkassa, Kaṇṇakujja, Udumbara, Aggaḷa và Sahajāti, vị đã nghe, người nào mà chúng ta?

3. Bình bát, bằng thuyền, đã đi ngược dòng, vị ở nơi thanh vắng, dâng đến, vị thầy và hội chúng, thành Vesālī, tâm từ, hội chúng, các đại biểu.

4. Hành sự và hình phạt *Parivāsa*, tích lũy [tội], luôn cả dàn xếp, các tiêu sự, sàng tọa, chia rẽ [hội chúng], phạt sự, [đỉnh chỉ] lễ *Uposatha*, Tỳ-khưu-ni, năm trăm, bảy trăm, là các chương ở *Tiểu phẩm*.

[Mười hai chương đã được đề cập đến]

TIỂU PHẨM ĐƯỢC CHẤM DỨT

--ooOoo--

